

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 53 CT/BCTN

"V/v: Công bố thông tin"

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- Tên tiếng Anh : Song Da 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Song Đà 2 JSC
- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0500236821
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại : 0433.510 542
- Fax : 0433.828 255
- Website : www.songda2.com.vn
- Mã cổ phiếu : SD2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty Xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà), được thành lập ngày 01 tháng 02 năm 1980 có nhiệm vụ xây dựng nhà ở cho cán bộ chuyên gia Liên Xô, CBCNV Việt Nam trên công trường Thủy điện Sông Đà và hoàn thiện toàn bộ phần Nhà máy Thủy điện Hoà Bình. Sau đó Công ty được đổi tên là Công ty Xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2. Theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 chính thức được hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303000430 do

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 7 ngày 16/01/2013 theo mã số doanh nghiệp 0500236821 chuyển từ số đăng ký kinh doanh 0303000430 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp .

- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).
- Ngày 06/10/2008 Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các Nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.
- Ngày 22/10/2008 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 09/03/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,53 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 26/03/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 19/11/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 30/12/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.2 Các sự kiện khác:

- Trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy Thủy điện Hòa Bình; Thủy điện Yaly; Thủy điện Sê San 3; Thủy điện Tuyên Quang; Thủy điện Sơn La; Thủy điện Bản Vẽ; Đường dây 500KV; Đường Láng Hòa Lạc; Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội Bắc Ninh; Nhà khách dân tộc; Học viên Bưu chính viễn thông; Đại học Quốc Gia; Dự án đô thị Orange Garden....
- Trong lĩnh vực đầu tư Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan quản lý Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư nhiều dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai hoàn thành cũng như đang triển khai và sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc – Hà Đông – Hà Nội; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thành phố Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Thành phố Hoà Bình; Dự án Thủy điện Sông Chảy 6, Hà Giang; Dự án Khu đô thị mới Phú Lương – Hà Đông; Dự án Higland City, thành phố Thái Nguyên...
- Hiện nay Công ty có trên 100 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá 221 tỷ đồng, trong đó có dây chuyền nghiền sàng cát đá nhân tạo 1000 T/h với nguyên giá 89 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Thủy điện

Bản Vẽ; Thủy điện Xêkamán1; Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng...

- Công ty hiện nay có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 850 người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà Nước và các Bộ, ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:
 - + Nhiều bằng khen của Chính phủ.
 - + 01 Huân chương độc lập hạng 3.
 - + 01 Huân chương lao động hạng nhất.
 - + 02 Huân chương lao động hạng 2.
 - + 04 Huân chương lao động hạng 3.
 - + 30 huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.
 - + Cờ đơn vị xuất sắc Ngành xây dựng năm 2008; 2009; 2010; 2011; 2012 và nhiều bằng khen của Bộ xây dựng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- KD doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Sản xuất, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện đến 220V;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Xây dựng Công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình Thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;

- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị;

3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công chính tại các địa bàn như:

- Khu vực Hà Nội và các vùng lân cận (Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Orange Garden; Sản xuất bê tông Asphalt tại Đông Anh; Sản xuất bê tông thương phẩm tại Hoài Đức; Cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 18- đoạn Uông Bí – Hạ Long – Quảng Ninh.....)
- Khu vực Miền trung (Công trình Thủy điện Bản Vẽ tại Nghệ An; Thủy điện Hương Sơn tại Hà Tĩnh; Thủy điện Trung Sơn tại Thanh Hóa;...)
- Khu vực Thái Nguyên và các vùng lân cận (Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Thái Nguyên; Ký túc xá Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật tại Thái Nguyên;...)
- Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh khai thác Đá xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman...

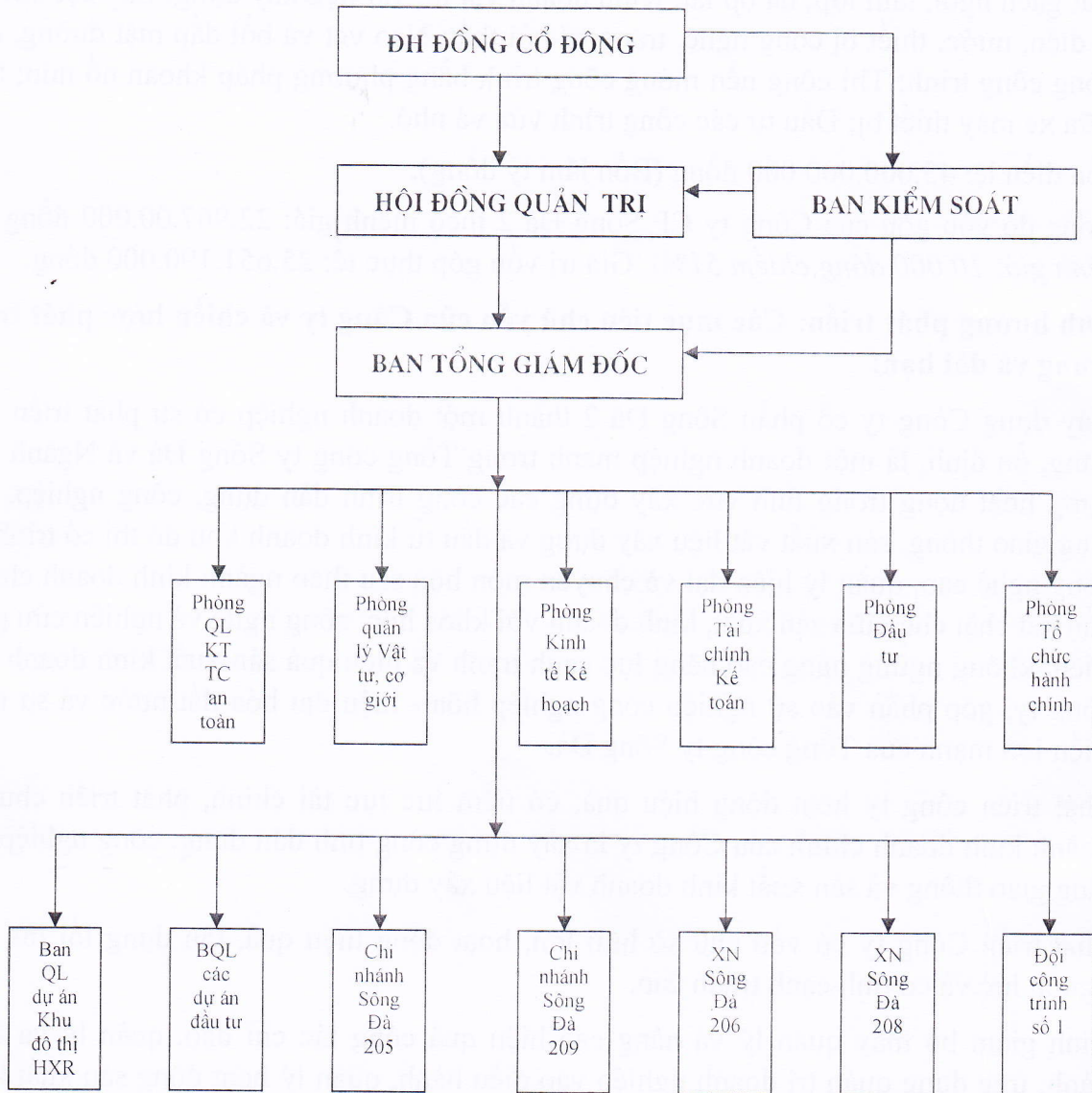
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty cổ phần Sông Đà 2: (Thời điểm ngày 31/12/2012)

- Hội đồng quản trị Công ty : 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty : 03 thành viên.
- Ban lãnh đạo Công ty : Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc.
- 06 Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức-Hành chính; Phòng Vật tư-Cơ giới; Phòng Đầu tư; Phòng Kinh tế-Kế hoạch; Phòng Quản lý kỹ Thuật-Thi công an toàn; Phòng Tài chính-Kế toán.
- 04 Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Chi nhánh Sông Đà 205; Xí nghiệp Sông Đà 206; Xí nghiệp Sông Đà 208; Chi nhánh Sông Đà 209.
- 01 Ban Quản lý: Ban quản lý DA khu đô thị Hồ Xương Rồng-Thái Nguyên.
- 01 Đội thi công trực thuộc công ty: Đội công trình số 1.

4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



4.3. Các công ty con, công ty liên kết: (Công ty Con - Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.
- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công

trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);
- Trong đó vốn góp của Công ty CP Sông Đà 2 theo mệnh giá: 22.967.00.000 đồng (*theo mệnh giá: 10.000 đồng, chiếm 51%*). Giá trị vốn góp thực tế: 25.651.190.000 đồng.

5. Định hướng phát triển: Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp có sự phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp mạnh trong Tổng công ty Sông Đà và Ngành xây dựng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông, sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh khu đô thị có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.
- Phát triển công ty hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính, phát triển chuyên ngành kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Phát triển Công ty có vốn chủ sở hữu lớn, hoạt động hiệu quả, tận dụng tối ưu mọi nguồn lực và có tính cạnh tranh cao.
- Tinh giảm bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp vào điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu từ năm 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

5.1.1. Kế hoạch 2011 - 2015:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-;-2015) khoảng 8-10%/năm.
- Tổng giá trị SXKD : 2.573 tỷ đồng.
- Doanh thu : 2.392 tỷ đồng.
- Nộp Ngân sách Nhà nước : 155 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 146 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư : 814 tỷ đồng.

- Vốn điều lệ : 644 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức bình quân : 08%-12%.
- Nhân lực bình quân : 1.129 người.
- Thu nhập bình quân người/tháng : 5.416.000 đồng.

(Chi tiết phụ lục số 01)

5.1.2. Định hướng kế hoạch 2016 - 2020:

Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-:-2015) khoảng 8-10%/năm.
Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2020 tăng gấp 1,5 lần so với năm 2015;

- Tổng giá trị SXKD : 4.620 tỷ đồng.
- Doanh thu : 4.134 tỷ đồng.
- Nộp Ngân sách Nhà nước : 281 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 277 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư : 497 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ : Từ 200 tỷ đồng đến 220 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức bình quân : 15%.
- Nhân lực bình quân : 1.738 người;
- Thu nhập bình quân người/tháng : 6.450.000 đồng đến 8.550.000 đồng.

(Chi tiết phụ lục số 02)

5.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

5.2.1. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 60% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Trong cơ cấu sản phẩm xây lắp Công ty dần chuyển sang lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng giao thông làm chủ đạo để phát huy năng lực hiện có. Ngoài việc thi công xây lắp tại các công trình do Tổng công ty Sông Đà và Công ty làm Chủ đầu tư, Tổng thầu Xây lắp, Công ty tiếp tục tiếp thị tìm kiếm nhận thầu thi công xây lắp các công trình khác tại khu vực Hà Nội và các tỉnh thành khác.
- Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 30% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

5.2.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 65% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 15% trong

tổng giá trị SXKD.

- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 20% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

6. Các rủi ro:

- Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ, bất động sản xảy ra ở nhiều nước trên Thế giới, đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình kinh tế vĩ mô thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng và chưa có dấu hiệu tích cực hơn một cách rõ nét trong những năm tới.
- Thực tế năm 2011, 2012 và 2013 tình hình kinh tế trong nước tiếp tục ảnh hưởng bởi chính sách tài chính chặt chẽ của Chính phủ nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của đất nước, nên việc huy động vốn để đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ rất khó khăn.
- Việc thu xếp vốn của Chủ đầu tư cho các công trình do Công ty thi công đều không đảm bảo, do đó dở dang, công nợ của Công ty lớn.
- Tiềm lực tài chính của Công ty còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Việc Chính phủ giảm đầu tư công và các doanh nghiệp khó tiếp cận được các nguồn vốn cho đầu tư dẫn đến Công ty gặp rất nhiều khó khăn về việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm tiếp thị, đấu thầu các công trình, tìm kiếm dự án và tìm kiếm các nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu đầu tư.
- Các công trình do công ty thi công hầu hết ở vùng sâu, vùng xa không thuận lợi về mặt giao thông, thông tin liên lạc, việc làm của công ty không đều, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT đồng thời đã chỉ đạo cho Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Nhìn chung trong năm 2012 với tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn như chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi suất duy trì ở mức cao, trong điều kiện đó nhiều doanh nghiệp khó huy động được vốn và ổn định sản xuất kinh doanh, với sự cố gắng của tập thể CBCNV Công ty cũng như lường trước được những sự khó khăn về vốn, công việc... mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những giải pháp như: Huy động vốn từ các nhà đầu tư thứ cấp cho dự án, phân kỳ, giãn và hoãn các dự án đầu tư... từ những giải pháp trên mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 năm 2012 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính đề ra. Công ty đã thực hiện hoạt động SXKD có lãi, thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN và người lao động, đảm bảo việc làm cho

856 CBCNV với thu nhập bình quân 5.592.000 đồng/người/tháng; Hoàn thành các mục tiêu, tiến độ chính tại công trình do Công ty đảm nhận thi công như: Thủy điện Bản Vẽ, Thủy điện Hòa Na, Thủy điện Hương Sơn, Thủy điện Trung Sơn, Hạ tầng kỹ thuật dự án Orange Garden; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng Thái Nguyên...

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ thực hiện trong năm 2012:

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012 (10 ⁹ đ)	Thực hiện năm 2012 (10 ⁹ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2011
1	Giá trị SXKD	480,00	391,92	82%	88,79%
2	Doanh thu	479,98	386,6	81%	98,04%
3	Thực hiện đầu tư	282,0	120,0	43%	47,81%
4	Lợi nhuận trước thuế	32,00	16,65	52%	53,45%
5	Lợi nhuận sau thuế	24,00	10,62	44%	47,71%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	20,28	20,28	72%	73,78%
7	Thu nhập BQ/CBCNV	5,026	5,592	111%	116,26%
8	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	15%	8%	53%	53%

1.2. Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện trong năm 2012: (Số liệu hợp nhất)

- Tổng tài sản đến 31/12/2012 : 760,83 tỷ đồng;
- Tổng giá trị SXKD thực hiện : 570,01 tỷ đồng;
- Doanh thu : 536,79 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư thực hiện : 120,44 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 25,66 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 18,025 tỷ đồng;

Trong đó:

- + Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số : 3,734 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ : 14,291 tỷ đồng;

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành Công ty:

a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:

- + Ông: Hồ Văn Dũng : Tổng giám đốc.
- + Ông: Phạm Văn Mạnh : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Trần Văn Trường : Phó Tổng giám đốc.

- + Ông: Hoàng Công Phình : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Nguyễn Quốc Doanh : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Nguyễn Hữu Việt : Phó Tổng giám đốc (*Nghỉ hưu tháng 10 năm 2012*)
- + Ông: Nguyễn Hữu Hùng : Kế toán trưởng.

b. Tóm tắt lý lịch:

b.1. Ông Hồ Văn Dũng - Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 111624449; ngày cấp 10/01/2003; nơi cấp: CA Hà Tây
- Ngày tháng năm sinh: 23/09/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: D5 tập thể công an cơ sở 2 – Phường Văn Mỗ, Thành Phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (121)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác :**
- + 1983-1991: Kỹ thuật, Đội trưởng, Trưởng phòng Công ty Xây lắp vận tải 500 xe thuộc Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.
- + 1992-2003: Trưởng phòng, Phó giám đốc Công ty Sông Đà 9, Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần 909.
- + 2004-2006: Giám đốc Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4.
- + 2006 đến ngày 07/01/2013: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ 07/01/2013 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Sông Đà (*theo Văn bản số 09/TCT-TCNS của Tổng công ty Sông Đà về việc thay đổi và giới thiệu cán bộ giữ chức Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2*).
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% số cổ phần của Công ty.

b.2. Ông Phạm Văn Mạnh - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 011438208; ngày cấp 29/02/2008; nơi cấp: CA Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 30 tháng 10 năm 1965..
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Lê Lợi, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Xóm 3 – Thôn Thượng – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (121)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng công trình ngầm
- **Quá trình công tác:**
- + 1989-1990: Cán bộ kỹ thuật phòng thi công Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà.
- + 1991-1993 : Đội phó, Đội trưởng Đội công trình thuộc Xí nghiệp xử lý nền móng và cấp thoát nước – Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1993-1994: Chủ nhiệm công trình thuộc Chi nhánh Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1994-1995: Phó giám đốc Chi nhánh tại Vĩnh Phú Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1995-1997: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1997-1998: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1998-1999: Trưởng phòng kỹ thuật, cơ giới - Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2000-2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 2.02 - Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2001-2003: Phó phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2003-2005: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + Từ 2006 đến nay Tháng 01/2013: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ 07/01/2013 đến nay: Thành viên HĐQT ; Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 15.166 cổ phần, chiếm 0,13% số cổ phần của Công ty.

b.3. Ông Nguyễn Quốc Doanh – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 113001087; ngày cấp: 14/4/1992; nơi cấp: Công an Hòa Bình.
- Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 10 năm 1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P313, K1 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (143)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác:**
- + 1982-1983: Công tác tại Xí nghiệp Bê tông nghiền sàng - Tổng công ty XD thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 9/1983-10/1984: Phó quản đốc phân xưởng bê tông đúc sẵn-Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn-Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 11/1984 đến tháng 9 năm 1985: Trưởng ban vật tư – Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn - Công ty XD Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 10/1985 đến tháng 7/1988: Cán bộ Phòng Vật tư, Cơ giới-Công ty Xây dựng Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 8/1988 đến tháng 12/1995; Phó Phòng Vật tư, Hành chính-Công ty Xây dựng Sông Đà 2-Tổng Công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 01/1996 đến tháng 11/1997: Cán bộ Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty XD Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12/1997 đến tháng 01/2003: Cán bộ phụ trách Kinh tế - Kế hoạch Ban Điều hành dự án ADB2-N4.
- + Từ tháng 02/2003 đến tháng 10/2005: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 2.
- + Từ tháng 11/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 4.000 cổ phần, chiếm 0,03% số cổ phần của Công ty.

b.4. Ông Hoàng Công Phình – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 031453728; ngày cấp: 12/06/2006; nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1960
- Nơi sinh : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 121B - Ngõ 8 - Đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- **Quá trình công tác:**
- + Từ năm 1982-1989: Làm Điều độ trưởng tại Công ty Thi công Cơ giới Thủy điện Hoà Bình.
- + Từ năm 1989-1997: Làm Đội trưởng đội cơ giới tại Xí nghiệp Vận tải Sông Đà tại Hải Phòng thuộc Công ty Sông Đà 12.
- + Từ năm 1997-2001: Làm Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 205 thuộc Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2001-2003: Làm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 202 – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2003-2004: Làm Trưởng phòng cơ giới – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2005-T02/2006: Làm Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 208-Công ty Sông Đà 2.
- + Từ T03/2006-T08/2008: Làm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 206-Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T08/2008-T11/2008: Làm Trưởng Ban chuẩn bị Dự án Thủy điện phía Bắc-Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12 năm 2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 4.000 cổ phần, chiếm 0,03% số cổ phần của Công ty.

b.5. Ông Trần Văn Trường – Phó Tổng giám đốc.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 017000787; ngày cấp: 14/07/2009; nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 27 tháng 07 năm 1975
- Nơi sinh : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 802 - Nhà CT7B khu đô thị Văn Quán – Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại cơ quan : 04 33 510 542(133)
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**
- + 1996-1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
- + 2000-2001: Chuyên viên Phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.

- + 2001-2002: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2002-2003: Trưởng Ban Tài chính Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02-Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2003-2004: Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2004-2006: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2006-T4/2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T04/2010 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 8.333 cổ phần, chiếm 0,07% số cổ phần của Công ty.

b.6. Ông Nguyễn Hữu Việt – Phó Tổng giám đốc (*Nghỉ hưu theo chế độ từ T10/2012*).

b.7. Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kế toán trưởng Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 183200855; ngày cấp: 10/3/1999; nơi cấp: CA Hà Tĩnh
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 07 năm 1972
- Nơi sinh : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Xã Hương Bình – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Số điện thoại cơ quan :
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**
- + 2004-2005 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7.
- + 2006-2007 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + 2007-2008 : Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 – Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + 2008-2010 : Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T04/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 21.800 cổ phần, chiếm 0,18% số cổ phần của Công ty.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành công ty:

Tháng 09 năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty có Quyết định số 99/CT-HĐQT ngày

25/09/2012 về việc: Ông Nguyễn Hữu Việt – Chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty để nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/10/2012.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Với mục tiêu: Xây dựng, phát triển Công ty ngày càng ổn định, giữ vững Công ty luôn là một doanh nghiệp mạnh trong Tổng công ty Sông Đà và Ngành xây dựng, là đơn vị đa ngành nghề, đa sở hữu, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống là xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông, thủy lợi, thủy điện... Tiếp tục đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực: Kinh doanh nhà ở và hạ tầng, đầu tư sản xuất công nghiệp, khai thác, kinh doanh đá xây dựng... đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định, bền vững và có tiềm lực kinh tế mạnh có sức cạnh tranh cao. Thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hoá lợi tức đối với phần vốn góp của các cổ đông Công ty, không ngừng nâng cao và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương doanh nghiệp Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho 100% CBCNV.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm đều có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận, để kịp thời bổ sung nguồn lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến Công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ngoài ra Công ty còn chú trọng tới công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cao cho công nhân kỹ thuật; công tác kèm cặp, đào tạo trên 50 công nhân kỹ thuật mới vào nghề.
- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung và địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng chủ yếu các công trình thủy điện tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn; Mặt khác, do tình hình kinh tế khó khăn, các công trình thiếu vốn nên việc thu vốn của Công ty rất khó khăn.

nhiều dự án chậm triển khai như dây chuyền sản xuất cát đá nhân tạo tại công trình Thủy điện Xeekaman1, nên nhiều công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông chưa yên tâm làm việc.

- Tổng số lao động từ năm 2010 - 2012 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (bao gồm các công ty con và công ty liên kết), như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP CNCNV TOÀN CÔNG TY
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

Số TT	Nội dung	2010 (Người)	2011 (Người)	2012 (Người)
I	Tổng số:	824	856	796
II	Phân loại theo công việc			
1	Lao động gián tiếp	230	249	227
2	Lao động trực tiếp, trong đó:	594	607	569
	+ Công nhân kỹ thuật	290	305	270
	+ Lao động thời vụ	232	235	226
	+ Lao động phổ thông	72	67	73
III	Phân loại theo trình độ học vấn			
1	Trên Đại học	3	4	3
2	Đại học	129	157	153
3	Cao đẳng, Trung cấp	98	88	71
4	Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên)	30	29	34
5	Thợ bậc thấp, công nhân và LĐ phổ thông	564	578	535

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình đầu tư tại các dự án:

Trong năm 2012 Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư của Công ty để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành và các dự án đang triển khai thực sự có hiệu quả kinh tế cao, đối với các dự án chưa đủ các điều kiện cần thiết (thiếu thủ tục pháp lý, chưa xác định được nguồn vốn) thì dừng hoặc giãn tiến độ và dừng các dự án đầu tư kém hiệu quả, cụ thể công tác đầu tư các dự án trong năm 2012 và lũy kế đến 31/12/2012 của toàn công ty như sau:

Thực hiện công tác đầu tư năm 2012: Tổng giá trị đầu tư năm 2012 của Công ty đạt: 120 tỷ đồng/282 tỷ đồng, bằng 43%.

Trong đó:

- Đầu tư đô thị : 118,1 tỷ đồng.
- Đầu tư khai thác VLXD : 0,4 tỷ đồng.
- Đầu tư thiết bị : 1,6 tỷ đồng.

a. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng – Thành phố Thái Nguyên:

- Tổng mức đầu tư : 1.019.090.733.265 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2012: 118,1 tỷ đồng/225 tỷ đồng, bằng 52%.
- Luỹ kế đã đầu tư đến 31/12/2012 : 386.201.269.142 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 632.889.464.123 đồng.
- **Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:** Đã thực hiện đền bù cơ bản xong đất nông nghiệp, một phần đất phi nông nghiệp và đất của các tổ chức. Tổng diện tích đất đã đền bù đến 31/12/2012 là: 33,9ha/45ha đạt 87% đất quy hoạch.
- **Công tác thi công công trình:** Triển khai thi công san nền, kè hồ, đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, cống hộp, cầu đi bộ... đến nay hoàn thành khoảng 60% khối lượng công việc trên dự án.

b. Dự án Khu đô thị Highland City tại Thành phố Thái Nguyên:

- Tổng mức đầu tư : 1.355.913.000.000 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2012: 0 đồng/5 tỷ đồng.
- Luỹ kế đã đầu tư đến 31/12/2012 : 0 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 1.355.913.000.000 đồng.
- Do tình hình thị trường bất động sản vẫn trong giai đoạn trầm lắng, việc huy động vốn khó khăn và Công ty đang tập trung nguồn lực để triển khai dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên, do đó Công ty đã tạm dừng và hoãn tiến độ đầu tư dự án này.

c. Dự án Nhà ở liền kề Hoà Bình (1,5ha):

- Tổng mức đầu tư : 85.439.900.000 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2012: 0 đồng/3 tỷ đồng, bằng %.
- Luỹ kế đã đầu tư đến 31/12/2012 : 2.141.341.317 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 83.298.558.683 đồng.
- Đang triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư và công tác giải phóng mặt bằng, lập quy hoạch điều chỉnh...

- d. Dự án Khu đô thị mới Phú Lương-Hà Nội:** Cùng các đơn vị Liên danh triển khai xong công tác giải phóng mặt bằng; Thiết kế BVTC hạ tầng kỹ thuật của dự án. Đến nay đang tiến hành san nền dự án.

e. Đầu tư Mỏ đá Tiên Sơn – Huyện Lương Sơn – Tỉnh Hòa Bình:

- Tổng mức đầu tư : 31.024.974.290 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2012: 0,42 tỷ đồng/8 tỷ đồng, bằng 5% kế hoạch năm.
- Luỹ kế đã đầu tư đến 31/12/2012 : 401.496.546 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 30.623.477.744 đồng.
- Thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở; Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Xin cấp phép đầu tư xây dựng.

g. Đầu tư thiết bị: Đã thực hiện đầu tư một số thiết bị phục vụ thi công Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Công trình Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Hương Sơn giá trị thực hiện năm 2012 là: 1,6 tỷ đồng/8 tỷ đồng, bằng 20% kế hoạch năm.

h. Tình hình đầu tư tài chính đến 31/12/2012:

Số TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2012
I	Đầu tư vào công ty con	25.651.190.000
1	Công ty Cổ phần CTGT Sông Đà	25.651.190.000
II	Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác	28.234.664.999
1	Công ty CP Sông Đà 2.07	12.000.000.000
2	Công ty CP Thủy điện Đăkrinh	600.000.000
3	Công ty CP Sông Đà 7	420.000.000
4	Công ty CP Sông Đà 25	1.188.774.090
5	Công ty CP Dầu khí Nhơn Trạch II	1.500.000.000
6	Công ty CP Đầu tư đô thị và KCN Sông Đà 7	4.685.000.000
7	Công ty CP Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà	2.200.000.000
8	Công ty CP Đầu tư PTĐT & KCN Sông Đà Miền Trung	3.000.000.000
9	Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000
10	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – A.D.E.L	1.045.890.909
11	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – Hồng Quang	1.010.000.000
	Tổng cộng	53.885.854.999

3.2. Công ty con, công ty liên kết: (Công ty con - Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.
- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);
- Trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo mệnh giá: 22.967.000.000 đồng (theo mệnh giá: 10.000 đồng, chiếm 51%). Giá trị vốn góp vốn thực tế: 25.651.190.000 đồng.

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài chính:

DVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Tăng giảm (%)
- Tổng giá trị tài sản	441.411.623	391.926.064	88,79%
- Doanh thu thuần	385.838.446	380.814.099	98,7%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.629.536	17.814.204	56,3%
- Lợi nhuận khác	-474.301	-1.162.928	-245,2%
- Lợi nhuận trước thuế	31.155.235	16.651.276	53,4%
- Lợi nhuận sau thuế	22.279.515	10.625.172	47,7%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	8%	54%

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,6	1,5	
+ Hệ số thanh toán nhanh				
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>	Lần	0,7	0,6	
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	0,7	0,7	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	2,4	2,1	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	1	1	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,6	0,6	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	0,1	0,03	
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	0,12	0,06	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	0,04	0,02	
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	0,08	0,05	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của công ty : 12.000.000 cổ phần.
- + Số cổ phần đang lưu hành : 12.000.000 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.000.000 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm chốt danh sách Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 12/03/2013: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Tổ chức	6.095.303	50,80%
	- Trong nước	6.087.303	50,73%
	- Nước ngoài	8.000	0,07%
2	Cá nhân	5.904.697	49,21%
	- Trong nước	5.842.476	48,69%
	- Nước ngoài	62.221	0,52%
3	Tổng cộng	12.000.000	100%

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Trong năm 2012 công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. *Các chứng khoán khác:* Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Sự hội nhập của kinh tế đất nước với nền kinh tế khu vực và trên thế giới đã tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng trong quá trình năm bắt được các cơ hội kinh doanh mới.
- Uy tín và thương hiệu về chất lượng sản phẩm, tiến độ thi công các công trình của Tổng công ty Sông Đà nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng không ngừng phát triển và được khẳng định.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty đoàn kết, có nhiều kinh nghiệm, năng động và nhiệt tình trong công việc. Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề có kinh nghiệm luôn được bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh.
- Công ty luôn được các tổ chức tín dụng đánh giá là đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và uy tín. Vì vậy luôn giữ được chữ tín trong mối quan hệ tín dụng.

b. *Khó khăn:* Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động bất lợi như lạm phát, lãi suất tín dụng cao, việc tiếp cận và vay các nguồn vốn rất khó khăn đã làm nhiều Chủ đầu tư, nhiều công trình xây dựng phải giãn tiến độ thi công do không có vốn. Vì vậy Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012, đặc biệt trong công tác huy động vốn và thu hồi vốn.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2012:

a. Số liệu Báo cáo hợp nhất

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2011
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	665.000	570.014	86%	92%
2	Doanh thu	657.189	536.791	82%	99%
3	Thực hiện đầu tư	267.800	120.446	45%	47%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	44.235	33.765	76%	78%
5	Lợi nhuận trước thuế	46.500	25.669	55%	58%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	7,08%	4,82%	68%	59%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	27,8%	10,64%	38%	54%
8	Tổng số CBCNV	1.730	1.254	72%	88%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	4,913	5,228	106%	111%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	15%	8%	53%	53%

b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2011
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	480.000	391.926	82%	88,79%
2	Doanh thu	479.989	386.691	81%	98,04%
3	Thực hiện đầu tư	254.000	120.064	43%	48%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	28.235	20.283	72%	74%
5	Lợi nhuận trước thuế	32.000	16.651	52%	53%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	6,67	4,31		
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	26,67	13,88		
8	Tổng số CBCNV	1.005	810	70%	95%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5,026	5.592	111%	116%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	15%	8%	53%	53%

Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2012 của Công ty mẹ:Trong đó:

+ Vốn chủ sở hữu	: 180,5 tỷ đồng.
✓ Vốn điều lệ	: 120,0 tỷ đồng.
✓ Thặng dư vốn	: 18,5 tỷ đồng.
✓ Các quỹ doanh nghiệp	: 20,2 tỷ đồng.
✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	: 21,8 tỷ đồng.
+ Vốn vay SXKD	: 165,6 tỷ đồng.
✓ Vốn ngắn hạn	: 86,6 tỷ đồng.
✓ Vốn trung hạn, dài hạn	: 79 tỷ đồng.

*(Kèm theo các phụ lục chi tiết về số liệu)***2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)****2.1. Báo cáo hợp nhất:**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,42
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,48
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,14
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,60
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,40
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,73
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,27
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	3,40
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,37
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp)		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	1.191

2.2. Báo cáo Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,42
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,53
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,12
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,54
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,46
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,96
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	2,75
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ thực góp	%	8,85
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,73
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000 đ/cp)		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	885

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm 2012 công ty đã thực hiện cơ bản hoàn thành các mục tiêu, tiến độ đề ra tại các công trình, dự án Công ty tham gia thi công, cụ thể:

- 3.1. Công trình Thủy điện Bản Vẽ: Thi công cơ bản hoàn thành hạng mục Xử lý sạt trượt hố móng nhà máy và Đường vận hành tuyến đập giai đoạn 2.
- 3.2. Công trình Thủy điện Hủa Na: Thi công cơ bản hoàn thành hạng mục cửa nhận nước đảm bảo theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- 3.3. Công trình Thủy điện Xekaman 1: Đã triển khai nghiên cứu, đá dăm phục vụ sản xuất bê tông RCC tại công trình.
- 3.4. Công trình Thủy điện Tuyên Quang: Đã thi công hoàn thành hạng mục Gia cố hạ lưu bờ phải sông Gâm.
- 3.5. Công trình Thủy điện Hương Sơn: Thi công hoàn thành hạng mục Kênh chuyển nước đảm bảo theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- 3.6. Công trình Thủy điện Trung Sơn: Thi công hoàn thành hạng mục đường thi công vận hành và bàn giao đưa vào sử dụng.

- 3.7. Công trình Khu biệt thự nhà vườn Orange Garden: Thi công hoàn thành các hạng mục bê tông Asphalt đường giao thông và các hạng mục cảnh quan.
- 3.8. Công trình Khu đô thị mới Phú Lương: Thi công hoàn thành giai đoạn I hạng mục san nền khu đất dịch vụ của dự án.
- 3.8. Công trình khu đô thị Hồ Xương Rồng:
- Hạng mục san nền: Thi công đến cao độ hoàn thiện tất cả các lô san nền thuộc vùng 1, 2 khu vực đã giải phóng mặt bằng, diện tích: 160.251m²/228.931m² đạt 70%; thi công kê hồ: 2.058,4 m/2.088,4m đạt 98,5%;
 - Hạng mục đường giao thông nội bộ: Thi công xong đắp đất nền đường K98 được 5.568 km/7.629 km đạt 73%; đến lớp cấp phối đá dăm loại 1, 2 là: 4,32km/7.629km đạt 56,7% (thuộc khu vực đã giải phóng mặt bằng).
 - Hệ thống thoát nước mưa: Lắp đặt hệ thống thoát nước mưa trên tất cả các tuyến đường giao thông nội bộ thuộc vùng 1,2 khu vực đã giải phóng mặt bằng. Khối lượng ống cống bê tông lắp đặt là: 4.696m/6.262m đạt 75%.
 - Hạng mục công hộp thu thoát nước, thoát nước mùa khô: Hệ thống thoát nước mùa khô đã lắp đặt hoàn thiện từ hồ ga HT0 – HT14, HT17-HT21, HT24-HT29 được 900m/1.004m đạt 89,6%. Hạng mục Công hộp thu thoát nước đã đổ bê tông hoàn thiện bản trần từ đôt 01-08, 13-17 công hộp thu nước, đôt 02-06 công hộp thoát nước đạt 80%..
 - Hạng mục cầu đi bộ qua hồ: Đã thi công được 09/36 cọc khoan nhồi, dường công vụ, lán trại phụ trợ phục vụ thi công.
 - Hạng mục thoát nước thải: Thi công lắp đặt hoàn thiện toàn bộ khối lượng thuộc vùng 1 thi công, khu vực tái định cư và các khu bàn giao cho đơn vị thứ cấp. Khối lượng ống cống bê tông lắp đặt là: 4.681m/12.260m đạt 38 %.
- 3.9. Công trình Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng: Thi công đảm bảo khối lượng đắp cát nền đường theo tiến độ thi công yêu cầu của Nhà thầu chính.
- 3.10. Công trình Khu đô thị mới Nam An Khánh: Thi công hoàn thành hạng mục đường giao thông, hệ thống thoát nước đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- 3.11. Công trình nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 18 đoạn TP.Uông Bí – TP.Hạ Long: Đã triển khai thi công nền đường theo tiến độ Chủ đầu tư.

4. Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2012: Giá trị thực hiện: 120,064/282 tỷ đồng bằng 42,57% kế hoạch.

Trong đó:

- | | | |
|-------------------------------|---|------------------|
| + Đầu tư thiết bị | : | 1,588 tỷ đồng. |
| + Đầu tư đô thị, bất động sản | : | 118,056 tỷ đồng. |
| + Đầu tư mở VLXD | : | 0,42 tỷ đồng. |

Đánh giá chung:

- Công tác đầu tư trong năm 2012 của Công ty chủ yếu là thực hiện đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Công ty đã phân kỳ đầu tư và đề ra phương án bán hàng hợp lý để huy động vốn phù hợp với giai đoạn hiện nay.
- Các dự án đầu tư khác Công ty chỉ thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý và các thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

4.1. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, TP Thái Nguyên.

- Công tác giải phóng mặt bằng:
 - + Diện tích đất hoàn thành GPMB đến hết năm 2012 khoảng: 33,93 ha/45,0522 ha đạt 87% đất quy hoạch.
 - + Diện tích chưa GPMB : 5,75 ha chiếm 13%.
 - + Tổng số tiền chi trả đến hết năm 2012 khoảng : 226,6 tỷ đồng.
 - + Diện tích GPMB năm 2012 là : 2,66 ha.
 - + Số tiền chi trả trong năm 2012 : 45,8 tỷ đồng.
- Công tác thi công: Triển khai thi công các hạng mục San nền, Kè hồ, Đường giao thông, Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, Cống hộp, Cầu đi bộ,...
- Tổng giá trị thực hiện: **118,1 tỷ đồng.**

4.2. Dự án Đầu tư khai thác mỏ đá Tiên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình: Giá trị thực hiện 0,42 tỷ đồng/8 tỷ đồng đạt 5% kế hoạch năm. Thực hiện Thẩm định thiết kế cơ sở; Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Xin cấp phép đầu tư xây dựng. Do cuối năm 2011 và đầu năm 2012 Chính phủ tạm dừng cấp phép khai thác Mỏ đá vôi do vậy Công ty cổ phần Sông Đà 2 hoàn thiện các thủ tục pháp lý chậm so với kế hoạch.

4.3. Đầu tư máy móc thiết bị: Giá trị thực hiện 1,6 tỷ đồng/8 tỷ đồng đạt 20% kế hoạch năm (Đầu tư phương tiện phục vụ điều hành sản xuất, khuôn đúc ly tâm). Công tác triển khai thi công xây dựng phần kiến trúc dự án Khu biệt thự nhà vườn Orange Garden chậm dẫn đến công tác đầu tư máy ép cọc, cốp pha và các thiết bị khác của Công ty bị giãn hoãn để phù hợp tiến độ thi công các công trình.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương châm: Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp có sự phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp mạnh trong Tổng công ty Sông Đà và Ngành xây dựng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông, sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh nhà ở và khu đô thị, có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.

- 5.1. Phát triển công ty hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính, phát triển chuyên ngành kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- 5.2. Phát triển Công ty có vốn chủ sở hữu lớn, hoạt động hiệu quả, tận dụng tối ưu mọi nguồn lực và có tính cạnh tranh cao.
- 5.3. Giảm đầu mối, tránh cạnh tranh nội bộ; Tinh giảm bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp vào điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 5.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt. Xây dựng tập thể công nhân kỹ thuật có tay nghề cao có tác phong sản xuất công nghiệp đáp ứng yêu cầu của công nghệ, trình độ tiên tiến, hiện đại.
- 5.5. Thực hiện thi công đảm bảo đúng thiết kế, đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo an toàn lao động tại các công trình do Công ty thi công.
- 5.6. Thực hiện nhiệm vụ triển khai, tổ chức thi công, quản lý và kinh doanh dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và các dự án khác do Công ty làm Chủ đầu tư đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và hiệu quả kinh tế;
- 5.7. Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tích lũy vốn.
- 5.8. Tập trung mọi nguồn lực, tổ chức, sắp xếp nhân lực, máy móc thiết bị để tổ chức thi công, triển khai các dự án, công trình như:

a. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng:

- Giá trị kế hoạch xây lắp : **52 tỷ đồng.**
- Mục tiêu tiến độ:
 - + San nền: Thi công cơ bản hoàn thiện phần diện tích đã GPMB, bàn giao toàn bộ các lô san nền trong dự án; Lũy kế thực hiện đạt 70% khối lượng thiết kế.
 - + Đường giao thông nội bộ: Tập trung thi công hoàn thiện các tuyến đường nội bộ đến lớp CPDD loại 1; Lũy kế thực hiện đạt 80% khối lượng thiết kế, đảm bảo giao thông thông suốt giữa vùng 1 và vùng 2 thi công.
 - + Hệ thống thoát nước mưa, nước thải: Thi công lắp đặt hoàn thiện theo khối lượng các tuyến đường giao thông nội bộ; Lũy kế thực hiện đạt 80% khối lượng thiết kế đảm bảo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật dự án.
 - + Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện - chiếu sáng; Hệ thống thông tin liên lạc: Thi công lắp đặt hoàn thiện theo tiến độ; Lũy kế thực hiện đạt 50% khối lượng thiết kế, đảm bảo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật dự án.
 - + Công chào dự án: Thi công xong..

+ Xây dựng nhà: Tập trung thi công hoàn thiện 05 căn nhà mẫu phục vụ công tác bán hàng và giới thiệu sản phẩm.

b. Công trình Thủy điện Bản Vẽ

- Giá trị kế hoạch xây lắp : **54,5 tỷ đồng.**
- Mục tiêu tiến độ: Thi công xử lý mái khu vực vai trái đập và mái đào kênh vào cửa nhận nước công trình Thủy điện Bản Vẽ, bàn giao công trình theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư.

c. Đường Quốc lộ 5B Hà nội - Hải Phòng

- Giá trị kế hoạch xây lắp : **8,42 tỷ đồng.**
- Mục tiêu tiến độ: Thi công hoàn thành công việc đắp nền đường theo yêu cầu của Nhà thầu chính.

d. Đường QL 18 Uông Bí - Hạ Long:

- Giá trị kế hoạch xây lắp : **77,5 tỷ đồng.**
- Mục tiêu tiến độ: Thi công hoàn thành cải tạo nâng cấp đường Quốc lộ 18 Uông Bí - Hạ Long theo từng giai đoạn đảm bảo tiến độ của Chủ đầu tư đề ra.

e. Công trình Khu biệt thự Orange Garden:

- Giá trị kế hoạch xây lắp : **21 tỷ đồng.**
- Thi công đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

f. Sản xuất công nghiệp tại công trình Thủy điện Xêkaman1:

- Giá trị kế hoạch sản xuất : **41,6 tỷ đồng.**
- Mục tiêu tiến độ: Tổ chức sản xuất cát, đá dăm các loại phục vụ thi công bê tông RCC và trữ đảm bảo theo tiến độ của Chủ đầu tư yêu cầu.

g. Kinh doanh nhà:

- Giá trị kế hoạch kinh doanh : **60 tỷ đồng.**
- Mục tiêu tiến độ: Hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, bàn giao toàn bộ diện tích đất ở (có đủ điều kiện theo hợp đồng) cho Nhà đầu tư thứ cấp; Lập các phương án bán hàng cho từng thời điểm phù hợp với thị trường bất động sản; Hoàn thiện hạ tầng một số khu vực phía đường Bắc Nam, Đường Phan Đình Phùng để xúc tiến bán hàng dự kiến bán hàng khoảng 1 hecta.

6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: Trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu nên một số công trình được mở thêm như: Quốc lộ 18 (đoạn Ưông Bí - Hạ Long) xử lý sạt trượt tại công trình Thủy điện Bản Vẽ và một số hàng mục công trình khác;
- Tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng đã giải quyết sớm được những vấn đề cơ bản trong công tác giá tiền sử dụng đất và tính toán đối trừ giá trị sơ sở hạ tầng và tiền sử dụng đất kịp thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, đồng thời có sơ sở để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ). Tạo tiền đề cho việc tăng cường tính thanh khoản khi thị trường bất động sản ấm lên;
- Cơ bản đã giải quyết việc trả lương kịp thời đến cán bộ, công nhân viên.
- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt so với kế hoạch, nhưng so với hoàn cảnh chung thì đây là sự cố gắng rất lớn của tập thể cán bộ, công nhân viên từ Công ty đến các Chi nhánh, đảm bảo chia cổ tức và bảo toàn được vốn.
- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác thi công, bố trí ổn định tổ chức trên các công trường thực hiện đúng tiến độ, trong đó đã tổ chức phát động thi đua tại một số dự án trọng điểm.
- Có phương án đầu tư hoặc đấu thầu các dự án phù hợp với tình hình thực tế phát triển của Công ty, không dàn trải nên các dự án hiện đang phát huy hiệu quả, và tiết kiệm chi phí.
- Hoàn thành các nhiệm vụ chính theo yêu cầu của tỉnh để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước tại Khu đô thị Hồ Xương Rồng theo đúng tiến độ.
- Điều chỉnh giá bán hàng và hoàn thiện thủ tục chuyển hợp đồng vay vốn thành hợp đồng góp vốn, hợp tác đầu tư, phân chia tài sản kết quả kinh doanh, nhằm thu hút sức mua của khách hàng tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng.
- Từng bước đáp ứng được tài chính phục vụ cho các dự án của Công ty.
- Cơ bản đảm bảo đủ việc làm, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, đời sống an sinh đảm bảo, cơ bản đảm bảo tiến độ trả lương đối với người lao động và tiền lương bình quân đạt là 5,250 triệu đồng/người/tháng.

Nhìn chung trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang bất ổn và còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty đã vận dụng phù hợp với tình hình và hoàn cảnh của Công ty năm 2012 trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã có những quyết định đúng đắn trong việc đầu tư có chọn lọc không dàn trải, phù hợp với khả năng của Công ty mà trong điều kiện tài chính tiền tệ biến động xấu, chính vì vậy Công ty giữ vững được sự phát triển và an toàn về tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2012 các chỉ tiêu kinh tế của Công ty đạt được chưa cao như mong muốn và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đề ra; Song Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cũng đã có rất nhiều cố gắng tập trung triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết và sự chỉ đạo trực tiếp của

HDQT, đã điều hành đơn vị hoàn thành được nhiệm vụ kế hoạch SXKD đề ra, sản xuất được duy trì, việc làm của người lao động được đảm bảo, trả lương cho cán bộ công nhân tương đối kịp thời; đời sống CBCNV nói chung ổn định.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ và hàng tháng, hàng quý đều xem xét, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, từ đó chủ động đưa ra những quyết định quản lý, điều hành điều chỉnh kịp thời, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý trong năm 2012, giao kế hoạch chi phí giá thành, chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định, kế hoạch thu vốn, thu hồi công nợ cũ... đảm bảo đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý, điều hành.
- Ban Tổng giám đốc thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2011 và lập phương án chi trả cổ tức năm 2012 cho các cổ đông theo quy định.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.
- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện và giải quyết cơ bản các vướng mắc trong công tác dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán với Chủ đầu tư tại các công trình trọng điểm như: Công trình Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Tuyên Quang; Công trình Hạ tầng kỹ thuật Orange Garden và các dự án khác...
- Thực hiện và đưa ra các biện pháp về thu hồi công nợ tồn đọng, khó đòi.
- Thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư, không dàn trải cổ phiếu một số doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện việc huy động vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2012 đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời.
- Thực hiện công bố thông tin về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định và yêu cầu của Nhà nước và các cơ quan quản lý.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2013 đứng trước những khó khăn, thử thách trong khi tình hình kinh tế suy thoái vẫn còn ảnh hưởng rất nặng nề đối với nền kinh tế cả Nước nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn và đề ra các phương án, giải pháp tích cực và cụ thể để khắc phục những tồn tại của năm 2012, cũng như xây dựng các mục tiêu, định hướng, kế hoạch cho năm 2013 và tương lai, cụ thể như sau:

3.1. Định hướng:

- Tập trung xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 trở thành một trong những Công ty mạnh của Tổng công ty, với sản phẩm chính là xây lắp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông. Bên cạnh đó vẫn duy trì và phát triển ngành nghề:
 - + Sản xuất công nghiệp - Vật liệu xây dựng.

- + Đầu tư những dự án phù hợp với ngành nghề và khả năng tài chính của Công ty như các khu đô thị, nhà ở.....
- Năm 2013 tiếp tục đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng trên cơ sở phù hợp thị trường và bảo toàn phát triển được vốn; Dự án mỏ đá Tiến Sơn – Lương Sơn – Hòa Bình chuẩn bị đầu tư để có sản phẩm cung cấp trên thị trường khu vực Hà Nội từ năm 2015 trở đi....
- Tăng cường mở rộng thị phần xây lắp các công trình: Xây dựng dân dụng – công nghiệp và công trình hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, thủy lợi; Đồng thời thi công các công trình thủy điện trên cơ sở năng lực thiết bị, xe máy hiện có.
- Đến năm 2015 tỷ trọng giữa các ngành nghề như sau:
 - + Xây lắp : Khoảng 65%;
 - + Sản xuất công nghiệp : Khoảng 12%;
 - + Kinh doanh BĐS và KD khác : Khoảng 23%;

3.2. Một số chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính chủ yếu năm 2013:

- Tổng giá trị SXKD : 400,00 tỷ đồng,
Trong đó
 - + Xây lắp : 283,42 tỷ đồng,
 - + Kinh doanh nhà : 60,00 tỷ đồng,
 - + Sản xuất CN : 44,58 tỷ đồng,
- Doanh thu : 406,60 tỷ đồng,
- Nộp ngân sách : 23,96 tỷ đồng,
- Lợi nhuận : 23,13 tỷ đồng,
- Cổ tức : 12%.
- Thu nhập bình quân CBCNV : 5,27 triệu đồng/người/tháng.

3.3. Một số nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo thực hiện kế hoạch 2013.

- Công tác tiếp thị và đấu thầu 2013 phải được coi là công việc quan trọng hàng đầu và xuyên suốt.
- Định kỳ tổ chức kiểm tra kinh tế, công tác hạch toán kinh doanh, công tác hợp đồng và công tác phân tích hoạt động kinh tế. Đảm bảo tăng cường công tác quản lý và hạch toán kinh doanh có hiệu quả cao.
- Hoàn chỉnh đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và tổ chức thực hiện; Thực hiện ngay việc tinh giảm biên chế. Theo đó điều chỉnh cơ cấu tổ chức sản xuất cho phù hợp với tình hình hiện nay và những năm tới, xây dựng kế hoạch thoái vốn hợp lý ở một số doanh nghiệp khác để khi có điều kiện là thực hiện được ngay.
- Công tác quản lý và sử dụng thiết bị và phương tiện thi công hợp lý và linh hoạt đảm bảo đáp ứng tiến độ các công trình lớn.

- Tăng cường nhiều giải pháp về thu vốn và huy động vốn cho sản xuất và đầu tư đồng thời trả nợ đúng hạn các khoản vay. Duy trì nền tài chính lành mạnh.

3.4. Một số nhiệm vụ cụ thể trong năm 2013 của Hội đồng quản trị.

1. Phê duyệt kết quả hoạt động SXKD năm 2012, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
2. Tiếp tục hoàn chỉnh, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển của Công ty (giai đoạn 2011 ÷ 2015) định hướng đến năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
4. Chỉ đạo tăng cường mở rộng thị phần thi công xây lắp, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để đảm bảo khối lượng công việc cho năm 2013 và những năm tiếp theo.
5. Chỉ đạo và giải quyết các thủ tục huy động vốn cho công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư.
6. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trường, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ.
7. Chỉ đạo xem xét việc cân đối, đáp ứng yêu cầu nhân lực, xe máy, thiết bị nhằm phát huy tối đa năng lực của xe máy thiết bị, đảm bảo khai thác và mang lại hiệu quả kinh tế cao.
8. Đôn đốc, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành, các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện các mục tiêu, tiến độ công trình, các hợp đồng, dự án do Công ty đảm nhận thi công.
9. Nghiên cứu, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp hợp lý nhất thi công các dự án do Công ty làm chủ đầu tư và xây dựng phương án sản xuất và kinh doanh linh hoạt hợp lý trong năm 2013, trong đó có dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng.
10. Chỉ đạo củng cố bộ máy tổ chức sản xuất và quản lý điều hành từ các Phòng ban Công ty đến đơn vị trực thuộc bằng cơ chế, thay thế mệnh lệnh hành chính.
11. Chỉ đạo xây dựng các biện pháp thu hút nhân lực đảm bảo cho thực hiện kế hoạch năm 2013 và chiến lược phát triển của Công ty các năm tiếp theo (cơ chế đãi ngộ tiền lương, tuyển dụng, đào tạo và định hướng phát triển ...).
12. Chỉ đạo quyết liệt tiết giảm chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm.
13. Công tác hạch toán kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế để kịp thời rút kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 gồm 5 thành viên:

- Ông Lê Văn Giang - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ: 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần.
- Ông Hồ Văn Dũng - Thành viên HĐQT nắm giữ 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần.
- Ông Phạm Văn Mạnh - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.516 cổ phần, chiếm 0,13 % tổng số cổ phần.
- Ông Lương Văn Sơn - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.166 tương ứng, tương ứng với 0,13% số cổ phần.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương - Thành viên HĐQT nắm giữ 8.600 cổ phần, chiếm 0,07% số cổ phần của công ty.

Các thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

- Ông Lương Văn Sơn
- Bà Đặng Thị Diệu Hương

Thành viên HĐQT độc lập: Bà Đặng Thị Diệu Hương

- Tham gia nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của thị trường để vận dụng vào thực tế hoạt động định hướng phát triển của Công ty từng thời kỳ.
- Phụ trách Công tác kinh tế;
- Phụ trách Công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Phụ trách công tác thẩm tra các dự án;
- Công tác kiểm tra, kiểm toán.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Không có)

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và tuân thủ Luật doanh nghiệp. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng và đề ra các định hướng chiến lược phù hợp, linh hoạt và đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế nhằm mang lại lợi ích tối đa cho Công ty và các cổ đông.
- Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 04 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp thường kỳ và các phiên họp xin ý kiến bằng văn bản, các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng các quy định, các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, trong các phiên họp của Hội đồng quản trị đều có thành phần Ban kiểm soát của Công ty tham dự.
- Phân công công tác đối với từng thành viên HĐQT Công ty trong nhiệm kỳ từ 2011÷ 2015 theo lĩnh vực, có sự bổ sung, điều chỉnh từng quý cho phù hợp với nhiệm vụ sản

xuất kinh doanh; Chương trình công tác năm 2012 của HĐQT cũng như khi có sự thay đổi về nhân sự chủ chốt.

- HĐQT thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ-Tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ đó có những biện pháp, giải pháp chỉ đạo kịp thời.
- Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã ra các Nghị quyết, Quyết định và lập các báo cáo, cụ thể như sau:
 - + Phương án kế hoạch và các chỉ tiêu, mục tiêu sản xuất kinh doanh 2012.
 - + Dự toán chi phí quản lý của Công ty năm 2012.
 - + Tiếp tục thực hiện phương án kinh doanh dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng.
 - + Thỏa ước tiết giảm chi phí quản lý và hạ giá thành trong năm 2012 giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty.
 - + Phương án vay vốn từ các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng; Huy động vốn từ các nhà đầu tư thứ cấp và trong cán bộ viên chức, lao động để đầu tư vào dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên.
 - + Phương án đầu tư Mỏ đá Tiên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình.
 - + Phương án đầu tư nâng cấp năng lực, phương tiện, xe máy, thiết bị phục vụ sản xuất.
 - + Kế hoạch đấu thầu Tư vấn thiết kế cơ sở các công trình nhà ở thấp tầng trong Khu đô thị Hồ Xương Rồng, Thái Nguyên.
 - + Thiết kế bản vẽ thi công nhà mẫu dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng.
 - + Phương án đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở liền kề tại Hòa Bình.
 - + Lựa chọn thuê Kiểm toán độc lập năm 2012.
 - + Quyết định khen thưởng giá trị bằng tiền mặt đối với 6 tập thể và 59 cá nhân đã có thành tích trong phong trào thi đua sản xuất từ năm 2008 ÷ 2011.
 - + Phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 dự án đầu tư Khu đô thị nhà ở liền kề phường Hữu Nghị - Hòa Bình.
 - + Phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu chuẩn bị đầu tư dự án Khu đô thị Highland City - Thái Nguyên.
 - + Chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
 - + Thông qua báo cáo của người đại diện phần vốn của Công ty; Tiếp tục cử đại diện phần vốn tại tất cả các Công ty có vốn góp của Sông Đà 2 như: Công ty Cổ phần Sông Đà 7; Sông Đà 25; Sông Đà 207; Đầu tư phát triển đô thị & Khu công nghiệp Sông Đà 7; Đầu tư phát triển đô thị & Khu công nghiệp Sông Đà - Miền Trung; Công trình Giao thông Sông Đà; Liên danh Trung Việt - Sông Đà 2 - Hồng Quang dự án Khu đô thị Phú Lương; Liên danh A.D.E.L dự án Đền Đô và sông Tiêu Tương.

- + Phê duyệt mức trích khấu hao tài sản cố định năm 2012.
- + Ký Hợp đồng thuê Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty năm 2012.
- + Thông qua Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty về quản trị Công ty và Công bố thông tin của Công ty năm 2012.
- + Phê duyệt phương án bán máy và thiết bị phục vụ thi công không còn nhu cầu sử dụng tại công trình Thủy điện Bản Vẽ.
- + Nghị quyết; Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- + Nghị quyết phê duyệt quy chế phân cấp quản lý tiền lương.
- + Nghị quyết thông qua nội dung cơ chế chuyển nhượng tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng.
- + Phê duyệt nội dung hợp đồng tín dụng và tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 vay vốn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.
- + Nghị quyết phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu lập dự án Khu đô thị nhà ở liên kề phường Hữu Nghị - Hòa Bình.
- + Nghị quyết phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.
- + Phê duyệt phương án giảm giá chuyển nhượng các lô đất được xét ưu tiên chuyển nhượng các hợp đồng vay tài sản của CBCNV Công ty sau khi chuyển đổi hình thức góp vốn hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng.
- + Nghị quyết về việc thuê Văn phòng làm việc tại tòa nhà HH4 - Mỹ Đình - Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội.
- + Chỉ đạo điều chỉnh thông tin Chứng khoán và thanh toán cổ tức.
- + Phê duyệt phương án đầu tư nâng cao năng lực phương tiện điều hành sản xuất của Công ty.
- + Lập và gửi các báo cáo theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.
- + Báo cáo Tập đoàn Sông Đà (Nay là Tổng công ty Sông Đà) về sắp xếp doanh nghiệp và danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2011 ÷ 2015.
- + Báo cáo sơ kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012, triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2012.

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Chủ trì thẩm định dự toán chi phí quản lý năm 2012; Kế hoạch khấu hao Tài sản cố định để Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Xem xét Báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh quý, năm của Công ty.
- Thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của công ty gồm 3 thành viên:

- Ông Đặng Anh Vinh - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS.
- Ông: Đặng Văn Luyên - Thành viên BKS.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2012 Ban kiểm soát Công ty đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và tuân thủ Luật doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát đã phân công công tác đối với từng thành viên Ban kiểm soát Công ty trong nhiệm kỳ từ 2011÷ 2015 theo lĩnh vực, có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.
- Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã tiến hành 04 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp thường kỳ và các phiên họp bất thường bằng hình thức xin ý kiến văn bản.
- Trong năm 2012 Ban kiểm soát tham gia 04 phiên họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã cùng các Phòng ban Công ty tham gia kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia họp phân tích hoạt động kinh tế năm 2011; 06 tháng năm 2012 của Công ty.
- Cùng với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo Tài chính các đơn vị trực thuộc và toàn công ty 06 tháng; năm 2012.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

a. Tổng tiền lương, thù lao trả Hội đồng quản trị năm 2012: 748.800.000 đồng.

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

+ Ông Lê Văn Giang – Chủ tịch HĐQT : 384.000.000 đồng.

- Thù lao của các thành viên HĐQT:

+ Ông Lương Văn Sơn - Thành viên HĐQT : 57.600.000 đồng.

+ Bà Đặng Thị Diệu Hương - Thành viên HĐQT : 57.600.000 đồng.

b. Tổng tiền lương, thù lao trả Ban kiểm soát năm 2012:

- + Ông Đặng Anh Vinh - T.Ban kiểm soát : 57.600.000 đồng.
- + Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS : 38.400.000 đồng.
- + Ông Đặng Văn Luyên - Thành viên BKS : 38.400.000 đồng.

c. Tổng tiền lương trả Ban Tổng giám đốc điều hành năm 2012:

- Ông Hồ Văn Dũng - Tổng giám đốc : 382.351.858 đồng.
- Ông Phạm Văn Mạnh - Phó Tổng giám đốc : 359.899.517 đồng.
- Ông Trần Văn Trường - Phó Tổng giám đốc : 328.374.396 đồng.
- Ông Nguyễn Quốc Doanh - Phó Tổng giám đốc : 328.374.396 đồng.
- Ông Nguyễn Hữu Việt - Phó Tổng giám đốc : 241.780.797 đồng.
- Ông Hoàng Công Phình - Phó Tổng giám đốc : 328.374.396 đồng.
- Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kế toán trưởng : 309.308.969 đồng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Bà Đặng Thị Diệu Hương - Thành viên HĐQT công ty đăng ký bán 8.500 cổ phần; đăng ký mua 10.000 cổ phần. Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 14/05/2012 đến ngày 13/07/2012. Báo cáo kết quả Bà Đặng Thị Diệu Hương đã bán 0 cổ phần, mua 0 cổ phần.
- Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kế toán trưởng Công ty đăng ký bán 20.000 cổ phần thời gian thực hiện giao dịch từ 22/06/2012 đến 20/07/2012. Báo cáo kết quả Ông Nguyễn Hữu Hùng đã bán 0 cổ phần.

VI. Báo cáo Tài chính: Các Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và Luật chứng khoán.

1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:

- **Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội
- **Địa chỉ:** Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng – Hoàng Mai – Hà Nội.

Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		675.119.736.733	619.453.914.379
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>64.141.551.259</i>	<i>36.656.947.088</i>
1	Tiền	111	V.01	64.141.551.259	36.656.947.088
2	Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	0	0
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>204.826.422.598</i>	<i>230.366.917.908</i>
1	Phải thu khách hàng	131		170.792.779.762	166.890.345.341
2	Trả trước cho người bán	132		6.668.843.922	8.994.615.847
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	28.615.041.451	55.144.844.462
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.250.242.537)	(662.887.742)
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>368.988.926.828</i>	<i>322.245.705.178</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	368.988.926.828	322.245.705.178
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>37.162.836.048</i>	<i>30.184.344.205</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.017.518.608	3.635.392.789
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.821.417.893	15.746.397.050
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		15.323.899.547	10.802.554.366
B	Tài sản dài hạn	200		85.712.028.109	97.739.688.973
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>54.744.068.866</i>	<i>71.078.792.849</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	47.036.652.356	59.929.292.043
	- Nguyên giá	222		273.182.061.629	277.159.143.117
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(226.145.409.273)	(217.229.851.074)
3	TSCĐ vô hình	227	V.06	1.426.947.000	2.140.779.000
	- Nguyên giá	228		3.569.219.141	3.569.219.141
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.142.272.141)	(1.428.440.141)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	6.280.469.510	9.008.721.806
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	V.08	<i>17.139.546.929</i>	<i>19.199.246.329</i>
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		29.834.685.019	29.834.685.019
4	Dự phòng chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(12.395.138.090)	(10.635.438.690)
<i>IV</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>12.423.560.314</i>	<i>5.829.628.795</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	12.251.818.926	5.694.577.051
3	Tài sản dài hạn khác	268		171.741.388	135.051.744
<i>V</i>	<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>269</i>		<i>1.404.852.000</i>	<i>1.632.021.000</i>
	Tổng cộng tài sản	270		760.831.764.842	717.193.603.352

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		537.133.661.563	481.812.233.237
I	Nợ ngắn hạn	310		456.380.270.889	387.612.366.785
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	127.611.716.897	108.545.791.858
2	Phải trả người bán	312		89.088.726.457	94.159.476.701
3	Người mua trả tiền trước	313		51.856.602.060	49.892.428.548
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	28.848.985.259	21.966.788.105
5	Phải trả người lao động	315		25.747.078.231	25.309.125.970
6	Chi phí phải trả	316	V.12	13.723.343.284	21.197.404.433
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	117.517.466.828	65.795.404.871
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.986.351.873	745.946.299
II	Nợ dài hạn	330		80.753.390.674	94.199.866.452
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	80.753.390.674	93.388.021.449
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	811.845.003
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		190.699.195.926	235.381.370.115
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	190.699.195.926	194.358.404.732
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		22.079.551.578	21.646.993.437
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.442.184.642	2.139.981.971
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.541.854.983	13.502.990.894
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.854.353.832	4.396.843.291
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.781.250.891	32.671.595.139
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		32.998.907.353	41.022.965.383
	Tổng cộng nguồn vốn	540		760.831.764.842	717.193.603.352

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	529.561.374.191	535.551.491.345
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	0	3.301.340
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18	529.561.374.191	535.548.190.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	437.727.703.093	421.938.931.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.833.671.098	113.609.258.374
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	3.604.517.404	5.101.569.989
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	25.110.867.587	31.191.558.178
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.205.174.735</i>	<i>10.386.806.615</i>
8. Chi phí bán hàng	24		5.937.383.128	4.137.801.323
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.501.944.479	42.229.163.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.887.993.308	41.152.304.931
11. Thu nhập khác	31		3.391.649.072	23.769.659
12. Chi phí khác	32		3.609.816.043	571.029.343
13. Lợi nhuận khác	40		(218.166.971)	(547.259.684)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.669.826.337	40.605.045.247
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	7.644.104.599	12.212.828.505
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.025.721.738	28.392.216.742
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.734.700.455	4.877.797.661
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.291.021.283	23.514.419.081
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.191	1.960

2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội
- Địa chỉ: Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng – Hoàng Mai – Hà Nội.

Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Số TT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		538.972.731.927	513.883.077.417
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		43.525.487.367	32.481.114.645
1	Tiền	111	V.01	43.525.487.367	32.481.114.645
2	Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
1	Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.583.711.400	168.654.006.917
1	Phải thu khách hàng	131		108.603.548.725	103.879.228.283
2	Trả trước cho người bán	132		4.251.496.256	5.179.388.518
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	34.729.691.461	60.009.060.363
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.001.025.042)	(413.670.247)
IV	Hàng tồn kho	140		319.710.885.018	288.100.679.814
1	Hàng tồn kho	141	V.04	319.710.885.018	288.100.679.814
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		29.152.648.142	24.647.276.041
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.017.518.608	3.635.392.789
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.042.371.892	12.505.196.871
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		11.092.757.642	8.506.686.381
B	Tài sản dài hạn	200		73.785.520.581	84.129.103.320
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		29.026.091.803	39.243.296.999
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	22.745.622.283	32.479.121.899
	- Nguyên giá	222		216.453.991.262	221.240.280.832
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(193.708.368.969)	(188.761.158.933)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	6.280.469.510	6.764.175.100
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	42.020.716.909	43.550.416.309
1	Đầu tư vào công ty con	251		25.651.190.000	25.651.190.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		28.234.664.999	28.534.664.999
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(11.865.138.090)	(10.635.438.690)
V	Tài sản dài hạn khác	260		2.738.711.869	1.335.390.012
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.719.711.869	1.318.390.012
3	Tài sản dài hạn khác	268		19.000.000	17.000.000
	Tổng cộng tài sản	270		612.758.252.508	598.012.180.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Số TT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		432.210.481.265	407.176.830.199
I	Nợ ngắn hạn	310		353.229.233.500	315.921.903.526
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	86.683.963.006	90.892.873.444
2	Phải trả người bán	312		70.096.450.302	71.155.266.956
3	Người mua trả tiền trước	313		32.645.440.000	31.883.063.725
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	24.147.725.672	16.811.215.464
5	Phải trả người lao động	315		20.630.717.209	19.496.665.239
6	Chi phí phải trả	316	V.11	12.903.763.337	20.585.882.608
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	104.779.116.167	64.448.346.873
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.342.057.807	648.589.217
II	Nợ dài hạn	330		78.981.247.765	91.254.926.673
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	78.981.247.765	91.027.878.540
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	227.048.133
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		180.547.771.243	190.835.350.538
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	180.547.771.243	190.835.350.538
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		18.583.927.780	18.583.927.780
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.287.626.374	14.173.650.579
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.878.417.253	3.764.441.458
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.797.799.836	34.313.330.721
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	Tổng cộng nguồn vốn	440		612.758.252.508	598.012.180.737

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	380.814.099.242	385.838.445.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		380.814.099.242	385.838.445.501
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	319.153.373.055	302.165.498.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.660.726.187	83.672.947.079
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	3.687.985.771	8.563.613.457
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	17.669.529.957	28.384.096.887
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.293.837.105</i>	<i>7.579.345.324</i>
8. Chi phí bán hàng	24		125.909.091	558.257.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.739.068.557	31.664.670.058
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.814.204.353	31.629.536.319
11. Thu nhập khác	31	VI.19	2.189.460.041	23.769.659
12. Chi phí khác	32	VI.20	3.352.388.382	498.070.978
13. Lợi nhuận khác	40		(1.162.928.341)	(474.301.319)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.651.276.012	31.155.235.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	6.026.103.717	8.875.719.101
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.625.172.295	22.279.515.899
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.22	885	1.857

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2012 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức quản lý điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2012 cũng như các kế hoạch, định hướng và giải pháp thực hiện trong năm 2013 và các năm tiếp theo của Công ty tới tất cả các quý vị cổ đông và nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 hy vọng rằng với bản Báo cáo này sẽ cung cấp được phần lớn những thông tin mà quý vị cổ đông, nhà đầu tư quan tâm muốn nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phạm Văn Mạnh